

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
Mã số: 60 14 01 01

HÀ NỘI, 2016

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
CHUYÊN NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON**

Mã số: 60 14 01 01

(Ban hành theo Quyết định số 315/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 20 tháng 3 năm 2016)

I. KHÁI LƯỢC CHƯƠNG TRÌNH

1. Chuyên ngành đào tạo: Giáo dục mầm non

2. Mã số: 60 14 01 01

3. Đơn vị quản lý: Khoa Giáo dục mầm non

4. Các ngành dự thi

4.1 Ngành đúng, phù hợp (*không học bổ sung kiến thức*):

Cử nhân Giáo dục mầm non

4.2 Ngành gần (*học bổ sung kiến thức*):

CN Tâm lý Giáo dục học, Giáo dục tiểu học, Giáo dục đặc biệt, GD công dân, GD thể chất, GD chính trị, SP Toán, SP Ngữ văn, SP Lý, SP Lịch sử, SP Tin học,...

5. Mục tiêu của chương trình đào tạo:

Đào tạo những cán bộ giáo dục có chuyên môn sâu trong lĩnh vực Giáo dục học - Giáo dục học mầm non, có phẩm chất và năng lực đáp ứng với yêu cầu của ngành đào tạo. Có khả năng giảng dạy, nghiên cứu và vận dụng những thành tựu của khoa học giáo dục vào giải quyết các vấn đề do thực tiễn giáo dục đặt ra. Có khả năng học tập, nghiên cứu để đạt được học vị cao hơn.

6. Chuẩn đầu ra

6.1. Về kiến thức

- Làm chủ những tri thức liên ngành về triết học, tâm lý học, giáo dục học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học... và kiến thức ngành khoa học giáo dục và chuyên ngành Giáo dục mầm non làm cơ sở, nền tảng cho việc nghiên cứu, triển khai các hoạt động giáo dục và quản lý giáo dục

- Có kiến thức chuyên sâu, hiện đại về công tác Giáo dục mầm non như giáo dục trí tuệ và nhân cách trẻ em, những vấn đề về quản lý và đánh giá trong giáo dục - giáo dục mầm non.. để có thể đảm nhận công việc của chuyên gia trong lĩnh vực Giáo dục mầm non, có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ

- Có kiến thức về các phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp với lĩnh vực Giáo dục mầm non để có thể độc lập nghiên cứu

- Có tư duy phản biện

- Có kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực quản lý giáo dục

6.2. Kỹ năng

- Có kỹ năng hoàn thành các công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo trong lĩnh vực giáo dục mầm non
- Có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới trong lĩnh vực giáo dục mầm non

6.3. Năng lực tự chủ, trách nhiệm

- Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề và đề xuất những sáng kiến có giá trị trong lĩnh vực giáo dục mầm non
- Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn
- Có năng lực đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ trong giáo dục mầm non
- Năng lực bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn
- Khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch
- Năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn
- Khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao
- Có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn
- Có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác nhau thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non

6.4. Năng lực ngoại ngữ

Chứng chỉ B1 (bậc 3/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II, Thông tư 15 ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

7. Cấu trúc chương trình đào tạo

- Kiến thức chung: 12 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở: 17 tín chỉ
- Kiến thức chuyên ngành: 21 tín chỉ
- Luận văn tốt nghiệp: 10 tín chỉ

8. Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành gần

- Số học phần: 9; tổng tín chỉ: 23
- Tên các học phần (*tên, mã số HP, số tín chỉ*): Tâm lý – giáo dục học mầm non (3), Sinh lý học trẻ em (2), Phương pháp làm cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh (3), Phương pháp hình thành biểu tượng toán sơ đẳng cho trẻ mầm non (3), Thể chất và Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non (2), Phương pháp chăm sóc vệ sinh trẻ em (2), Ngôn ngữ và Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non (3), Âm nhạc và Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ em (3), Mỹ thuật và Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ em (3).

II. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG

ST T	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ	Số tín chỉ lí thuyết	Số tín chỉ thực hành	Số giờ tự học
	Phần chữ	Phần số					
A. CÁC MÔN HỌC CHUNG				12			
1	PHIL	502	Triết học	4	70%	30%	120
2	ENGL	503	Ngoại ngữ	5	2	3	150
3	CMMS	504	Chương trình, phương pháp và kỹ năng dạy học hiện đại	3	2	1	90
B. CÁC MÔN HỌC CƠ SỞ				17			
I. Các môn cơ sở bắt buộc (cơ sở ngành)				8			
4	EDSC	511	Phương pháp luận nghiên cứu giáo dục	3	2	1	90
5	EDSC	512	Tâm lí học giáo dục	3	2	1	90
6	EDSC	513	Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề nghiệp giáo viên	2	1	1	90
II. Các môn cơ sở tự chọn (cơ sở chuyên ngành): Chọn 3 trong số các học phần sau đây				9			
7	EDSC	521	Chuẩn giáo dục và Lí thuyết chương trình giáo dục	3	2	1	90
8	EDSC	522	Văn hóa nhà trường hiện đại	3	2	1	90
9	EDSC	523	Giáo dục so sánh	3	2	1	90
10	PRES	524	Quản lí giáo dục và trường mầm non	3	2	1	90
11	PRES	525	Đánh giá trong giáo dục mầm non	3	2	1	90
12	PRES	526	Bồi cảnh và chính sách trong mầm non	3	2	1	90
C. CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH				21			
I. Các môn chuyên ngành bắt buộc				12			
14	PRES	541	Tâm lí học thần kinh trẻ em	3	2	1	90
15	PRES	542	Các lí thuyết phát triển trẻ em	3	2	1	90
16	PRES	543	Các mô hình chương trình giáo dục mầm non hiện đại	3	2	1	90

17	PRES	544	Các hoạt động cơ bản và trò chơi của trẻ ở trường mầm non	3	2	1	90
II. Các môn chuyên ngành tự chọn (<i>Chọn 3 trong các học phần dưới đây</i>)				9			
18	PRES	551	Giáo dục và phát triển ngôn ngữ của trẻ	3	2	1	90
19	PRES	552	Giáo dục thể chất ở trường mầm non	3	2	1	90
20	PRES	553	Giáo dục giá trị và kỹ năng sống ở trường mầm non	3	2	1	90
21	PRES	554	Phát triển tư duy của trẻ qua hoạt động làm quen với toán và môi trường xung quanh	3	2	1	90
22	PRES	555	Phát triển tính sáng tạo của trẻ trong hoạt động nghệ thuật	3	2	1	90
23	PRES	556	Phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ mầm non	3	2	1	90
24	PRES	557	Tổ chức môi trường hoạt động của trẻ ở trường MN	3	2	1	90
25	PRES	558	Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu của trẻ	3	2	1	90
26	PRES	559	Giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt	3	2	1	90
D. LUẬN VĂN				10			
Tổng cộng				60			